

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2021

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa;

2. Bà Nguyễn thị Thúy Loan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Q có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Q trình bày:*

Chị và anh T do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 10/10/2005. Thời gian chung sống anh T không chăm lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên chơi bời, có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn, tha thứ cho chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay, anh chị

vẫn còn sống chung một nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau, anh T bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới trở về. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 14/8/2005, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hạnh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Kkhông yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

* *Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Q.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Nguyễn Thị Q có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 10/10/2005, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án chị Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không chăm lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên chơi bời, có người phụ nữ khác bên ngoài, chị Q đã nhiều lần khuyên ngăn, tha thứ cho chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tòa án triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến. Anh T cũng không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Điều này cho thấy rằng, anh T không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì chị Q, anh T có hộ khẩu tại Khu phố *, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tuy nhiên anh T thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về nhà. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa chị Q và anh T không còn quan tâm lẫn nhau,

hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 14/8/2005, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu H sống với chị Q đã có cuộc sống ổn định và cháu H có nguyện vọng sống với chị Q, cho nên mặc dù anh T không có ý kiến gì nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Q yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 14/8/2005.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0016883 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Q đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND TT V;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh